

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHĂM SÓC GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN - BGDDT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo

Căn cứ thông tư 51/2020/TT - BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

Căn cứ bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH – HPV ngày 20/09/2024 kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường mầm non Hoa Phượng Vàng;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đội ngũ giáo viên và học sinh. Nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, đồng thời điều chỉnh những tồn tại.

Trường mầm non Hoa Phượng Vàng thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024 - 2025 với những nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Trường mầm non Hoa Phượng Vàng có tổng số học sinh đầu năm học là 543 cháu được biên chế 17 lớp theo đúng độ tuổi với tổng số giáo viên là 34 được biên chế 3 tổ chuyên môn: khối mầm 4 lớp; khối chồi 6 lớp; khối lá 7 lớp. Khi thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục năm học gặp những khó khăn, thuận lợi sau:

1. Thuận lợi :

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, ngành Giáo dục & Đào tạo, sự đồng hành, phối kết hợp của cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân. Đặc biệt, có đội ngũ cán bộ, viên chức đoàn kết, trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, Hệ thống phòng học thoáng mát, yên tĩnh, khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học tương đối đảm bảo. Khuôn viên trường lớp rộng rãi có nhiều

cây xanh bóng mát, vườn hoa, vườn rau.

Hệ thống phòng học thoáng mát, yên tĩnh, khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học tương đối đảm bảo. Khuôn viên trường lớp rộng rãi, có nhiều cây xanh, bóng mát, vườn rau, vườn hoa tạo nhiều cơ hội cho trẻ được trải nghiệm.

Đội ngũ giáo viên năng nổ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn vững vàng có ý thức tự giác, gắn bó với trường, với lớp, với học sinh. Cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. Khó khăn:

Hệ thống nhà vệ sinh các lớp học bị thấm dột vào mùa mưa, một phần sân trường gạch hư hỏng, các dãy phòng học, bếp ăn bị bong tróc sơn, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời lâu ngày hoen rỉ, thiết bị máy kimats, đàn organ...bị hư hỏng không sử dụng được

Tất cả những thuận lợi, khó khăn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường. Để khắc phục những khó khăn trên nhà trường đã đề ra một số mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục trong năm học theo kế hoạch sau:

II. NHIỆM VỤ CHUNG:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả; chú trọng đổi mới công tác quản lý theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN ở nhóm, lớp mầm non độc lập tư thực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường.

2. Củng cố, phát triển trường lớp gắn với công tác rà soát sắp xếp, quy hoạch; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

3. Đẩy mạnh phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình để đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em.

4. Đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN: Bố trí bảo đảm tối thiểu 02 giáo viên/nhóm, lớp; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên mầm non (GVMN), bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

5. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng phong cách Hồ Chí Minh, phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm tái thành lập tỉnh Đắk Nông (01/01/2004-01/01/2024). Thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản giáo dục

1.1. Thực hiện Chương trình GDMN.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN theo thông tư 51/2020/TT- BGDDT, ngày 31/12/2020 sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN;

- Thực hiện thông tư 50/2020/TT- BGDDT, 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen tiếng anh dành cho trẻ mẫu giáo;

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ chức năng quản lý để xây dựng hoặc tham mưu kế hoạch, chương trình phù hợp với điều kiện, bối cảnh tại địa phương để hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và đạt mục tiêu của các chương trình.

- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

1.2. Đổi mới công tác quản lý

- Thực hiện nghiêm túc về công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chủ động trong công tác lập kế hoạch, phát triển chương trình giáo dục khối , lớp phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý nhà trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số; đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt tổ

nhóm chuyên môn đảm bảo đúng quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các khối, lớp, sử dụng hệ thống hồ sơ, sổ sách khoa học, tinh gọn, hiệu quả và đúng quy định đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện đúng các quy định về quản lý, thu, chi tài chính đầu năm học theo đúng tinh thần chỉ đạo.

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật;

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý các hoạt động theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho giáo viên; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, thực chất, hiệu quả nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý; Tham gia quản lý, theo dõi các nhóm trẻ trên địa bàn phường.

2. Tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

2.1. Phát huy, tăng cường phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ.

2.2. Tiếp tục nâng cao chất lượng kiểm định giáo dục và duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

3. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; chuẩn bị cho thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo trong thời gian tới.

*** Tỷ lệ**

- Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn cả về thể chất và tinh thần 100%.
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100%.

*** Biện pháp**

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công

nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Triển khai kế hoạch thực hiện kết luận số 51-KL/TW theo quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020

Rà soát, kịp thời tham mưu bổ sung các điều kiện về đội ngũ và cơ sở vật chất nâng cao chất lượng PCGDMTNT không để xảy ra tình trạng đạt tiêu chuẩn phổ cập nhưng thiếu giáo viên, thiếu CSVN;

Chỉ đạo , phối hợp đội ngũ làm tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu đầy đủ, chính xác vào phần mềm PCGD-XMC đúng thời gian quy định; rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu trẻ em giữa báo cáo thống kê và báo cáo phổ cập đảm bảo tính thống nhất.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4.1. Sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ.

- Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; phối hợp với y tế phường trong việc thực hiện công tác phòng, chống dịch đau mắt đỏ và các dịch bệnh khác..., đảm bảo các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các trường mầm non; các lớp học tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí về an toàn ngay từ đầu năm học nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ.

- Xử lý nghiêm đối với các cá nhân phụ trách ,tránh để xảy ra mất an toàn đối với trẻ trong nhà trường.

4.2. Đổi mới môi trường giáo dục, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

4.2.1. Đổi mới môi trường giáo dục

- 100% các lớp học đảm bảo môi trường giáo dục sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, không khí trong lành, thân thiện;

- Bố trí các khu vực cho trẻ trải nghiệm, khám phá trong và ngoài lớp học phù hợp;

- Thực hiện đổi mới trang trí, thiết kế không gian lớp học theo mô hình linh hoạt, hiệu quả nhiều mặt, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng không gian, tiết kiệm chi phí đầu tư, thời gian và công sức của giáo viên (không cắt dán quá nhiều trên tường, treo quá nhiều vật liệu trang trí).

- Cần chú trọng các ưu thế bố trí không gian lớp học phù hợp đa dạng với nhiều hình thức học - chơi - khám phá của trẻ em vừa khoa học vừa đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. (Những sản phẩm treo, dán trong lớp học nên để trưng bày kết quả, sản phẩm của trẻ em sau mỗi hoạt động của từng chủ đề).

- Giáo viên phối hợp , hướng dẫn và trẻ cùng cô tạo ra các sản phẩm để trang trí lớp học. Sắp đặt môi trường khuyến khích sự tự tin sáng tạo của trẻ.

- Sử dụng nguyên liệu, vật liệu an toàn, phù hợp với độ tuổi của trẻ, đảm bảo tính giáo dục, tính thẩm mỹ trong môi trường tự nhiên, môi trường xã hội xung quanh trẻ để tổ chức các hoạt động giáo dục.

- 100% trẻ đến trường được vui chơi, học tập, tham gia trải nghiệm, khám phá thế giới xung quanh, để “mỗi ngày đến trường của trẻ là một ngày vui”.

- Sinh hoạt chuyên môn theo các bước nghiên cứu bài học thực sự có chất lượng và hiệu quả. Mỗi nhà trường có ít nhất 1-2 chuyên đề/tổ (khối) vận dụng giáo dục STEM/STEAM/1 năm học. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Thực hiện tinh giản và số hoá hồ sơ sổ sách; chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN. Các loại hồ sơ sổ sách của nhà trường, tổ khối và giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 (tùy vào tình hình thực tế tại đơn vị có thể thống nhất thêm sổ hội họp, hoặc trên máy tính cá nhân). Bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

4.2.2. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

*** Chỉ tiêu:**

- Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn 100% cả về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường.
- 100% trẻ ăn bán trú được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng theo nhu cầu và khẩu phần ăn trên lớp. Ăn hết khẩu phần, ăn ngon miệng. Năng lượng của trẻ cung cấp ở trường là 50 – 55 % nhu cầu cả ngày: 615-726 Kcal.
- 100 % trẻ được cung cấp đầy đủ nước uống, mỗi trẻ được cung cấp từ 1,6 – 2 lít nước/ trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn). 100% trẻ đi học được ngủ đúng giờ, đủ giấc. Trẻ ngủ trưa khoảng 150 p.
- 100 % trẻ được rửa tay, rửa mặt dưới vòi nước sạch, biết vệ sinh rửa tay, rửa mặt theo qui trình, trẻ 4 -5 tuổi , 5 - 6 tuổi biết cách chải răng theo yêu cầu. Trẻ 3 – 4 tuổi được làm quen với cách đánh răng và súc miệng bằng nước muối sinh lý.
- 100 % Trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Có ít nhất 95 - 97% trẻ khỏe mạnh và phát triển bình thường thể nhẹ cân, 97% trẻ phát triển bình thường về chiều cao. 100% trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ so với đầu năm.
- 100% trẻ được bảo đảm an toàn trên tất cả các mặt. (An toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm, an toàn thân thể...);

*** Biện pháp:**

- Tăng cường các hoạt động vệ sinh trường, lớp; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Xây dựng, nhân rộng mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đặc biệt là mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng.

- Phối hợp cùng giáo viên , y tế nhà trường tuyên truyền với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ để phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; đa dạng các hình thức tuyên truyền đến các bậc phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng, chống dịch bệnh. Mỗi lớp học xây dựng một góc tuyên truyền có lời và hình ảnh kèm theo có chất lượng.

4.3. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

** Chỉ tiêu*

* **Chỉ tiêu cần đạt:** Bé chăm: Trẻ từ 3- 5 tuổi đạt 90%; riêng trẻ 5 tuổi đạt 95%.

- Tỷ lệ trẻ đánh giá 5 lĩnh vực giáo dục: Đối với trẻ 5 tuổi từ 80 - 86%; trẻ dưới 5 tuổi từ 70 - 80%

- Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

** Biện pháp*

- Tập trung các giải pháp thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025” trong thực hiện Chủ đề. Chủ động tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo trao đổi, chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm, sáng kiến hiệu quả khi thực hiện chuyên đề.

- Giáo viên cần tạo cho trẻ một môi trường để trẻ thấy được yêu thương, được hiểu, được tôn trọng, được tin tưởng giúp trẻ chủ động tích cực tham gia hoạt động giáo dục hàng ngày ở trường, ở lớp; Lựa chọn những nội dung gần gũi, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, điều kiện trang thiết bị hiện có, giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp tạo ra các cơ hội để trẻ được học, được chơi, được trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu MTXQ để hình thành những kỹ năng, thói quen tốt, giúp trẻ phát triển toàn diện đáp ứng mục tiêu GDMN.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ của tổ CM, GV cốt cán trong toàn trường, hướng dẫn nâng cao năng lực phát triển Chương trình GDMN

nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phát huy tính chủ động của các khối lớp, các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ em để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trong phát triển Chương trình GDMN; Quan tâm hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân công.

- Tổ chức các hoạt động, các ngày hội: Phát động phong trào thi đua xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học, làm đồ dùng dạy học, tổ chức ngày hội dinh dưỡng, có sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cha mẹ trẻ. Chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, tình yêu quê hương đất nước phù hợp từng lứa tuổi của trẻ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm để xây dựng “dấu ấn” riêng của nhà trường.

- Thực hiện Kế hoạch số 88/KH-SGD&ĐT ngày 17/9/2024 về triển khai công tác giáo dục an toàn giao thông và Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” cấp học mầm non năm học 2024 -2025 của Sở GD&ĐT. Phối hợp với Ban An toàn giao thông và các ngành có liên quan tại địa phương để được hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn các nội dung thực hiện Kế hoạch triển khai giáo dục về ATGD tại các CSGDMN.

- Tổ chức tốt hội thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” cấp trường, cấp thành phố dự kiến giữa tháng 10, cấp tỉnh cuối tháng 10 năm 2024 và các hội thi khác do các cấp tổ chức.

- Tổ chức hoạt động “Ngày hội thể thao của Bé”; Hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường, cấp thành phố dự kiến tháng 11 năm 2024 và tháng 3 năm 2025.

- Tuyên truyền đến phụ huynh xây dựng mô hình phối hợp giữa nhà trường với gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội trong năm học 2024 - 2025;

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi có những phẩm chất, năng lực, kỹ năng nền tảng cần thiết để trẻ sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một phổ thông.

- Tuyên truyền, phổ biến cho giáo viên về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong trường mầm non.

- Tiếp tục triển khai có chất lượng cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ giáo dục và đào tạo và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành; Công văn số 1676/SGDĐT- GDTHMN ngày 19/10/2022 về việc Hướng dẫn tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh của Sở Giáo dục và Đào tạo. Sơ kết 03 năm thực hiện Thông tư về việc thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới

** Chỉ tiêu*

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên có ý thức tự học, tự rèn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp giáo dục tiên tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

- 100% các lớp triển khai và thực hiện công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyên đổi số.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên bảo đảm chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

** Biện pháp*

- Rà soát số lượng, cơ cấu phân công giáo viên phù hợp; căn cứ các quy định hiện hành kịp thời tham mưu bố trí bảo đảm tối thiểu 02 GV/lớp.

- Đổi mới, sử dụng các hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn, linh hoạt để phát huy năng lực, sở trường, lòng đam mê, sáng tạo của đội ngũ ; Nâng cao

phẩm chất, năng lực trình độ chuyên môn cho giáo viên; Chú trọng các chuyên đề bồi dưỡng về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; bồi dưỡng năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; năng lực đánh giá trẻ; năng lực làm chủ cảm xúc trong giao tiếp và ứng xử của giáo viên.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL và giáo viên được tiếp cận và từng bước lồng ghép áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến như : Giáo dục Steam, phương pháp Montessori vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương để thực hiện Chương trình GDMN.

- Tiếp tục tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn, các điều kiện đảm bảo an toàn và tổ chức hoạt động của các nhóm, lớp độc lập dân lập, tư thục trên cùng địa bàn, đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền kịp thời kiểm tra, chấn chỉnh khi cần thiết; đặc biệt là các nhóm dưới 7 trẻ.

- 100% giáo viên có ý thức tự học, tự rèn. Tích cực tham gia thao giảng, dự giờ, các hội thi do trường cũng như ngành tổ chức.

- * Dự giờ đột xuất toàn thể giáo viên 2lần/năm phân đầu mỗi đợt loại giỏi 8 - 10 tiết; khá 14 - 16 tiết; đạt yêu cầu 5 - 7 tiết; Dự giờ 30 - 35 tiết/gv/năm.

- Dự giờ đột xuất hàng tháng, 2 - 3 giáo viên. Tăng cường dự giờ, bồi dưỡng chuyên môn cho những giáo viên còn yếu.

- Giáo viên tham gia hội thi GV dạy giỏi cấp trường theo qui định.

- Xây dựng “Trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện”

- Tham gia hội thi; Hội thi văn nghệ, bóng chuyền...

- 100% các lớp tiếp tục thực hiện nghiêm túc chuyên đề : Chuyên đề “ *Lấy trẻ làm trung tâm*”; và lồng ghép các chuyên đề ' Giáo dục kỹ năng sống" chuyên đề “ *Giáo dục bảo vệ môi trường*”; chuyên đề “ *sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả*”; chuyên đề "*phòng cháy, chữa cháy*"...

- * Kiểm tra hồ sơ giáo viên 2 lần / năm (Không tính kiểm tra đột xuất). Dự kiến thời gian kiểm tra: Tháng 10, tháng 4. Phân đầu mỗi đợt đạt loại tốt 12 - 14 bộ, khá 10 bộ.

- * Kiểm tra chuyên đề, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên .

- Chuyên môn xây dựng 2 hoạt động để sinh hoạt chuyên môn, đồng thời để toàn thể giáo viên được học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

- 100% giáo viên có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo khả năng và nhu cầu thực tế của lớp mình.

- 100% các lớp làm tốt công tác vệ sinh, trang trí lớp học theo chủ đề của chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện nghiêm túc giờ giấc theo kế hoạch và những quy định của nhà trường

**** Biện pháp:***

- Sinh hoạt chuyên môn chỉnh sửa, xây dựng, sắp xếp mục tiêu phù hợp, triển khai thống nhất cách soạn, hình thức làm hồ sơ, cách xây dựng kế hoạch. Từng bước ổn định về nội dung, hình thức xây dựng kế hoạch và cách soạn giảng theo chương trình giáo dục mầm non, chú ý đến chất lượng giáo dục "***Lấy trẻ làm trung tâm***". Giáo viên dựa vào tình hình nhận thức của trẻ, điều kiện thực tế tại lớp để xây dựng kế hoạch cho phù hợp với đặc thù của lớp mình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chăm sóc, giáo dục vệ sinh, giáo dục môi trường, vệ sinh dinh dưỡng.

- Đôn đốc các khối trưởng bám sát chương trình để nhắc nhở giáo viên thực hiện đúng quy chế chuyên môn, theo dõi các hoạt động chuyên môn của giáo viên trong tổ bằng các hình thức như: Dự giờ, thăm lớp, đánh giá, nhận xét các hoạt động để nhận xét được các mặt ưu, khuyết điểm của đội ngũ, nhằm kịp thời bổ sung điều chỉnh những thiếu sót để đạt kết quả cao.

- Khuyến khích giáo viên sưu tầm nhiều bài thơ, bài hát, trò chơi và thường xuyên tổ chức cho trẻ hát, đọc thơ ca dao, đồng dao, chơi các trò chơi dân gian, các trò chơi nhằm phát triển vận động cho trẻ trong và ngoài chương trình.

- Tổ chức dự giờ đột xuất, tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, viết SKKN, kiểm tra dự giờ giáo viên... Dưới sự chỉ đạo cấp trên một cách kịp thời có hiệu quả.

- coi trọng những thành tích, tích cực trong việc cải tiến hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hình thức làm đồ dùng sáng tạo có hiệu

quả cho chuyên môn của mình.

- Nêu gương những gương điển hình trong chuyên môn, đề xuất khen thưởng, khích lệ kịp thời.

- Tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về chương trình giáo dục mầm non, và vận động phụ huynh không dạy trẻ học trước chương trình.

- Tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, các video trực tuyến dùng chung và hỗ trợ cha mẹ trẻ để phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với điều kiện của gia đình thông qua các ứng dụng zalo, viber, website khi cần thiết.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong nhà trường, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ chức hoạt động của nhà trường. Cập nhật kịp thời đầy đủ số liệu lên phần mềm CSDL ngành; triển khai rà soát, chuẩn hóa dữ liệu ở các cấp quản lý để khai thác, sử dụng.

- Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

- Khai thác, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch giáo dục, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, phần mềm dinh dưỡng của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

Lưu ý: Đối với giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục và đánh giá trẻ trên các phần mềm, không yêu cầu giáo viên in các loại sổ (hồ sơ) chuyên môn. Tuy nhiên, giáo viên phải tạo mã QR và được nhà trường phê duyệt.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN

- Chủ động đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Truyền thông về việc đổi mới Chương trình GDMN, vai trò của giáo dục mầm non đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, mục tiêu kế hoạch phát triển giáo dục mầm non đến 2025 và định hướng đến 2030.

8. Công tác thi đua khen thưởng

** Danh hiệu Cá nhân*

- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 6 đ/c
- Danh hiệu lao động tiên tiến phần đầu đạt trên 80%
- Bằng khen cấp tỉnh 6 - 8 đ/c

** Danh hiệu Tập thể*

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến - Xuất sắc
- Tham gia và tổ chức Hội thi “ giáo viên dạy giỏi” cấp trường, cấp TP...
- Tham gia Hội giảng Chuyên đề cấp thành phố; cấp tỉnh. Giao lưu sinh hoạt chuyên môn cụm.

9. Công tác khác

- Phối hợp với nhà trường tổ chức ngày hội đến trường của bé; tết trung thu; Hội nghị công nhân viên chức; Hội; Kỷ niệm 20/11; Kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3. Tập văn nghệ chào mừng các ngày lễ.....; Tổng kết năm học.

- Tổ chức và tham gia các hội thi do nhà trường và cấp trên tổ chức.

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

Thực hiện theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành (Có file kèm theo)

DỰ KIẾN MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC KHÔI MÀM NĂM HỌC 2024-2025

Mục tiêu	Nội dung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
MT 1: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay

	trước ngực - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước chân lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên + Co duỗi chân
MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi kiễng gót - Đi trong hẹp - Đi trong đường dích dắc - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng trong đường dích dắc - Chạy nhanh 10 – 15 m - Chạy chậm 40 – 50m
MT 3: Kiểm soát được vật động	Kiểm soát được vật động : - Bò theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp - Bò theo đường dích dắc - Bò chui qua cổng - Bò bằng bàn tay, bàn chân - Trườn theo hướng thẳng - Bước lên xuống bậc cao 30cm - Bò chui qua cổng – bước lên xuống bậc
MT 4: Phối hợp tay - mắt trong vận động	Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Lăn bóng và đi theo bóng

	- Lăn bóng theo đường dịch dắc - Đập bóng xuống sàn - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện (2,5m) - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Chuyển bóng sang phải, sang trái - Chuyển bóng qua đầu, qua chân - Ném xa bằng 1 tay – lăn bóng và đi theo bóng.
MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bật tại chỗ - Bật liên tục qua 3 ô - Bật về phía trước - Bật xa 20 – 25 cm - Bật tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay - Bật về phía trước – Lăn bóng và đi theo bóng - Bật xa 20 – 25cm – lăn bóng và theo bóng - Đi trong đường hẹp – bò chui qua cổng. - Ném xa bằng 1 tay – Đi trong đường hẹp
MT 6: Thực hiện được các vận động.	Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay trong một số hoạt động	Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay trong một số hoạt động

***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

MT 8: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Trẻ nhìn hình ảnh nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc như: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...
MT 9: Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Các món ăn quen thuộc ở trường mầm non - Các món ăn trong ngày ở gia đình Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT10: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT11: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...	Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...
MT12: Sử dụng bát, thìa. cốc đúng cách	- Hướng dẫn trẻ cách sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, phù hợp. - Hỏi trẻ về cách cầm bát, cầm thìa... - Sử dụng bát, thìa. cốc đúng cách
MT 13: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn hết khẩu phần ăn. - Uống nước đun sôi. - Biết cầm bát, thìa bê xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với

	sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT 14: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
MT 15: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Không sờ tay vào các vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) - Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng
MT 16: Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ , ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) Khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn: - Biết những nơi hồ , ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi... .là nơi nguy hiểm đến tính mạng không được chơi gần - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ
MT 17: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế,lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	

*Khám phá khoa học	
MT 18: Quan tâm hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt - Hàng ngày - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật, cây cối... - Quan sát, trò chuyện, đặt câu hỏi, hỏi ai? Cái gì? Làm gì/như thế nào?...về các sự vật hiện tượng.
MT 19: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, ngửi, sờ... Để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, ngửi, sờ... Để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng
MT 20: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm vật nổi? Vật tan không tan? nam châm hút gì?,,, - Làm thử nghiệm tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT 21: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh

trò chuyện về đối tượng.	và trò chuyện về đối tượng.
MT 22: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
MT 23: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Trẻ gọi được tên của đối tượng quan sát. - Trẻ nói được vài mối quan hệ đơn giản của đối tượng khi được hỏi. Ví dụ: Cây cần gì để sống? Vì sao lá cây rụng đi.... + Các thí nghiệm như: hoa không có nước, sự đổi màu của hoa, hoa nở trong nước.
MT 24: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát, với sự gợi mở của cô giáo.	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát, với sự gợi mở của cô giáo.
MT 25: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình..	- Thể hiện những gì trẻ biết thông qua các hoạt động: chơi, âm nhạc, tạo hình...VTV7 kids; Xứ sở cầu vồng
*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT 26: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu. - Dạy trẻ yêu thích với việc đếm, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Trò chơi: Năm con cua đá, năm chú vịt. .. - Chơi đếm trên các ngón tay. Đếm vẹt theo khả năng và biết sử dụng ngón tay để biểu thị về số lượng như

	: 3 bông hoa thì trẻ biết giờ 3 ngón tay...
MT 27: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. So sánh số lượng hai nhóm trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đến theo khả năng. - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - 1 và nhiều
MT 28: Biết tách - gộp và đếm nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5.	- Tách, gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 29: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ đơn giản. - Xếp tương ứng 1-1. - Ghép đôi.
MT 30: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh chiều cao, chiều rộng... của 2 đối tượng và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. - So sánh chiều cao, chiều rộng... của 2 đối tượng và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.
MT 31: Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép
MT 32: Sử dụng lời nói và hành động để	- Nhận biết phía trên, phía dưới, phía

chỉ vị trí của đối tượng trong không gian với bản thân	trước, phía sau của bản thân - Nhận biết tay phải tay trái của bản thân
Khám phá xã hội	
MT 33: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Khám phá về bản thân trẻ -Trẻ giới thiệu về mình: Biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ
MT 34: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Người thân yêu của Bé: Nói được tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình
MT 35: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Khám phá ngôi nhà của bé. - Gia đình thân yêu của bé. - Địa chỉ gia đình của bé
MT 36: Nói tên trường /lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên trường lớp, tên cô giáo và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 37: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm, dụng cụ lao động và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Nghề sản xuất - Nghề dịch vụ...
MT 38: Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.
MT 39 : Kể tên một vài danh lam thắng	- Tên của di tích lịch sử, danh lam

cảnh ở địa phương	thắng cảnh của địa phương - Xem video, hình ảnh trò chuyện về quê hương của bé (Phong cảnh, di tích lịch sử, nét văn hóa của địa phương...Thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ; tượng đài NTrangLong, viện bảo tàng...) - Làm album sách tranh về quê hương của bé.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
*Nghe hiểu lời nói	
MT 40: Thực hiện được yêu cầu đơn giản	Thực hiện được yêu cầu đơn giản
MT 41: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc trong các hoạt động giáo dục như làm quen với MTXQ, đọc thơ, đồng dao, ca dao, kể chuyện, các trò chơi.. .
MT 42: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
*Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 43: Nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh

	giao tiếp. - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?"; "Ở đâu?", "Khi nào?"
MT 44: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng các từ biểu thị lễ phép + Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.
MT 45: Sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Luyện nói trọn câu đơn, câu ghép trong các hoạt động giáo dục và trong giao tiếp.
MT 46: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc: - Trò chuyện cùng trẻ về những việc trẻ đã làm, những hành động trẻ đã thực hiện trong thời gian gần nhất như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
MT 47: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Hiểu nội dung bài thơ, ca dao...
MT 48: Kể lại truyện đơn giản được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Dạy trẻ kể lại truyện qua tranh, ảnh ..có sự giúp đỡ - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại truyện đơn giản được nghe với sự giúp đỡ của người lớn
MT 49: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên - Bắt chước giọng nói của nhân vật

	trong truyện.
MT 50: Sử dụng các từ "Vâng ạ , dạ , thưa... Trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp với mọi người. - Dạy bé cách xưng hô, chào hỏi, thưa gửi, lễ phép. -Thực hiện giao tiếp lễ phép hàng ngày với cô, với người thân, bạn bè.
*Làm quen với việc đọc, viết	
MT 51: Nói đủ nghe không nói lí nhí	- Hướng dẫn trẻ nói tròn tiếng, rõ từ, không hét, không nói ngọng, không nói lí nhí.
MT 52: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Biết chọn sách để xem theo ý của mình. - Xem và nghe các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc truyện. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn sách.
MT 53: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Xem tranh và thảo luận cùng cô. - Nghe kể chuyện về chủ đề và trả lời câu hỏi về tên các nhân vật. - Xem sách tranh và trò chuyện với bạn, với cô và các nhân vật, sự vật trong tranh.
MT 54: Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	-Vẽ tranh đơn giản về các chủ đề. - Cho trẻ làm thiệp mừng. - Cô hướng dẫn trẻ cách cầm bút và trẻ vẽ nguệch ngoạc theo ý thích.

	- Trẻ vẽ theo sự hướng dẫn của cô. - Viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
*Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 55: Nói được tên tuổi giới tính của bản thân.	- Biết nói tên, tuổi, giới tính của bản thân mình khi được người khác hỏi, trò chuyện.
MT 56: Nói được điều bé thích không thích	- Nói được những điều thích và không thích của bản thân, những điều bé có thể làm được.
*Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT 57: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi
MT 58: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao. - Cố gắng thực hiện 1 số công việc đơn giản phục vụ bản thân.
*Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 59: Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Nhận ra sự nguy hiểm và biết kêu cứu.
MT 60: Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.

MT 61: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh của Bác khi xem tranh, ảnh. - Kính yêu Bác Hồ.
MT 62: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
*Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 63: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ
MT 64: Biết chào hỏi và nói cảm ơn xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Trò chuyện về cử chỉ, lời nói lễ phép. - Dạy trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp khi được nhắc nhở.
MT 65: Chú ý khi nghe cô, bạn nói	- Chú ý khi nghe cô, bạn nói
MT 66: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Tổ chức các trò chơi, hoạt động theo nhóm trẻ. - Hướng dẫn trẻ chơi hoà thuận, đoàn kết với bạn. - Nhận biết được hành vi đúng/ sai; Tốt/ xấu trong giao tiếp
*Quan tâm đến môi trường	
MT 67: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây

	cối.
MT 68: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
*Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT 69: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 70 : Chú ý nghe, thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe hát và nghe giai điệu dân ca ví dặm. - Cho trẻ nghe 1 số làn điệu dân ca
MT 71: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
*Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 72: Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc
MT 73 : Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).
MT 74: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo

hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý .	hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý + Nguyên vật liệu thiên nhiên + Nguyên vật liệu phế thải...
MT 75: Vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	-Vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản
MT 76: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét, bố cục đơn giản.
MT 77 : Lăn dọc, xoay tròn ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn: kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. (Nặn 1 số đồ vật, con vật, rau, củ, quả, dụng cụ.... - Sử dụng một số kỹ năng nặn: kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. (Nặn 1 số đồ vật, con vật, rau, củ, quả, dụng cụ....
MT 78: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản - Chơi xếp hình, lắp ghép, nhà, trường, tường bao, bàn, ghế...
MT 79: Nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình : - Tổ chức cho trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn

	trong giờ hoạt động tạo hình. - Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn và của mình trong các hoạt động khác nhau...
*Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 80: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích, khả năng của mình khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT 81: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích, theo tưởng tượng, sáng tạo của trẻ.
MT 82: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

**DỰ KIẾN MỤC TIÊU - NỘI DUNG GIÁO DỤC KHỐI CHỒI
NĂM HỌC 2024 – 2025**

Mục tiêu	Nội dung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
MT1: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong BTDD theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước , ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.

	- Chân: + Nhún chân; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt đích dắc) + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi chạy qua chướng ngại vật. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát + Đi trên vạch kẻ thẳng, chạy nhanh 10m
MT 3: Kiểm soát được vận động .	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Chạy theo đường đích dắc - Chạy nâng cao đùi
MT 4: Phối hợp tay – mắt trong vận động	- Tung, ném, bắt + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện, bắt được 3 lần liên tiếp không làm rơi bóng (Khoảng cách 3 m). + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. -Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m)

	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang xa 2m
MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong vận động và các bài tập tổng hợp	-BAT liên tục về phía trước. -BAT – Nhảy +BAT xa 35 - 40cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô. +BAT qua vật cản cao 10 - 15cm. +BAT liên tục vào 4-5 vòng. +Nhảy lò cò 3 m +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô, đi trong đường hẹp- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10s -Bò trong đường dích dắc (3 – 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chênh lệch ra ngoài. -Bò dích dắc qua 5 điểm. -Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. -Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4m
MT 6: Thực hiện được các vận động .	-Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, veo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi, gập mủ các ngón tay...
MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	- Tô, vẽ hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Gập giấy. - Biết tết sợi đôi.

	- Cài, cởi cúc, khâu buộc dây.
MT 8: Biết một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Thịt cá có nhiều chất đạm - Rau quả chín có nhiều vitamin
MT 9: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Biết được một số món ăn đơn giản hàng ngày, cách chế biến đơn giản: Rau có thể luộc có thể nấu canh; thịt có thể luộc, rán kho,...
MT 10: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng - Uống nhiều nước - Ăn nhiều rau, củ, quả - Hạn chế uống nước ngọt và nước có ga
MT 11: Thực hiện được một số việc sự được nhắc nhở.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Trẻ biết rửa tay đúng cách. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn - Tự lau mặt đánh răng.
MT 12: Tự cầm thìa xúc ăn, ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự biết cầm thìa xúc ăn, ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
MT 13: Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...

	- Không uống nước lã.
MT 14: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh, khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép dày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
MT 15: Nhận ra bàn là, nước đang đun, nước nóng là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận ra bàn là nóng, nước đang đun, nước nóng, phích nước nóng.. là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch như; dao, kéo, thanh sắt..
MT 16: Nhận ra những nơi nguy hiểm: ao, hồ, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần.	- Không được chơi gần ao, hồ, nương nước, suối, bể chứa nước...vì đây là những nơi rất nguy hiểm đến tính mạng.
MT 17: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không được đùa trong khi ăn uống hoặc trong khi ăn các loại quả có hạt - Không ăn thức ăn có mùi ôi ; không ăn lá, quả lạ ...không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
MT 18: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	-Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như chảy máu, sốt, cháy...

	- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc, nói được tên, địa chỉ gia đình khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá khoa học	
MT 19: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo? ”; Vì sao lá cây bị ứt ?”	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo? ”; Vì sao lá cây bị ứt ?”
MT 20: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như :Kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...Để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như :Kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...Để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng
MT 21: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. + Pha màu / đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh + Làm thí nghiệm nước chảy từ trên cao. + Thí nghiệm nam châm hút gì?.... + Trải nghiệm: Cảm nhận thời tiết; Trải nghiệm với ánh sáng; Trải nghiệm hoạt độ nệm vật tan, không tan trong nước. + Thí nghiệm vật nổi vật chìm. + Thí nghiệm nam châm hút gì?.... + Trải nghiệm: Cảm nhận thời tiết;

	Trải nghiệm với ánh sáng; Trải nghiệm hoạt động trong bóng tối để thấy sự cần thiết của ánh sáng; Trải nghiệm với các chất liệu sỏi, đá, đất, cát, đất sét đỏ để nhận xét về cảm giác khi tiếp xúc.
MT 22: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Dạy trẻ biết cách giở sách để xem và cách nắm bắt thông tin trong sách. - Trẻ chỉ và nói được tên các nhân vật trong sách, diễn biến câu chuyện. - Khám phá tìm hiểu. - Làm thế nào để tạo ra âm thanh: Âm thanh của nước; các trạng thái của nước; Hiện tượng tự nhiên; Ngày và đêm; Nước hòa tan đường và muối; sự tan chảy của đá; một số nguồn ánh sáng. - Đọc sách, xem tạp chí, xem clip tìm hiểu về vẻ đẹp thiên nhiên, các hiện tượng tự nhiên; Về nguồn gốc nước, nguồn ánh sáng. Trải nghiệm: Xem sách, tranh, hình ảnh, vật thật và tìm hiểu về con vật, đồ vật, đồ chơi, rau, hoa, quả, con người, các phương tiện giao thông.... theo các chủ đề.
MT 23: phân loại các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu.	- Đặc điểm công dụng của một số đối tượng.

	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT 24: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Trẻ gọi được tên của đối tượng quan sát. - Trẻ nhận xét được các mối quan hệ đơn giản của đối tượng khi được hỏi. Ví dụ: Cây cần gì để sống? Vì sao lá cây rụng đi.... - Cho trẻ thực hành các mối liên hệ đó qua các trò chơi, hoạt động trải nghiệm (Tưới cây, trò chơi: Gió thổi cây nghiêng...) Thí nghiệm: Trồng cây trên cát, đất, sỏi, đá; cây nào sống được trong nước? Hạt ngô nảy mầm, bức mật thư, bấp cải tím đổi màu. - Ảo thuật với nước nho, hoa không có nước, sự đổi màu của hoa, hoa nở trong nước. - Tạo sóng trong chai, hạt ngô nảy mầm, bong bóng rắn, thí nghiệm với kẹo ngô. -Thực hành: Làm thức ăn cho các con vật; Chăm sóc một số con vật; Chăm sóc cây và rau trong trường

	và lớp. - Thí nghiệm: Cho thêm đường/muối nêm nước ngọt/ mặn hơn”.
MT 25: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau,giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. (Cách chăm sóc và bảo vệ) - Tổ chức các trò chơi. - Nhận xét về các bức ảnh . - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước, ích lợi của nước trong sinh hoạt hàng ngày đối với đời sống con người, con vật, cây.... - Một số ánh sáng trong sinh hoạt . - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi....
MT 26: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi,âm nhạc và tạo hình ...	-Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi,âm nhạc và tạo hình như : chơi, âm nhạc, tạo

	hình...VTV7 kids; Xứ sở cầu vồng.
*Làm quen với toán	
MT 27: Quan tâm đến chữ số, số lượng như: Thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu ?”; “là số mấy ”?	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như: Thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu ?”; “là số mấy ”? - Tổ chức các trò chơi luyện đếm.
MT 28: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 .So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ nhiều hơn, ít hơn
MT 29: Tách Gộp 2 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm.	- Tách, gộp hai nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn, có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả nhiều hơn, ít hơn....
MT 30: Sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	-Sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
MT 31: Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT 32: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	-Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. - Sắp xếp theo quy tắc.
MT 33: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.
MT 34: Sử dụng được dụng cụ để đo dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả	- Sử dụng được dụng cụ để đo dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo

đo và so sánh	và so sánh
MT 35: So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình.	- So sánh sự khác và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT 36: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Sử dụng các vật liệu khác nhau như que tính, bông hoa... để tạo ra các hình đơn giản.
MT 37: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác như: phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, phải phải, phía trái của đối tượng khác.
MT 38: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày: Buổi sáng như thế nào? Buổi trưa ?.....
* Khám phá xã hội	
MT 39: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Khám phá về bản thân trẻ: - Trẻ giới thiệu về mình: Tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ.
MT 40: Họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, nhu cầu và địa chỉ gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình (số nhà, số điện thoại...) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
MT 41: Nói tên và địa chỉ của trường,	- Nói được tên, địa chỉ của trường,

lớp , tên cô giáo , các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	lớp. - Biết tên cô, các bác công nhân viên và công việc của cô giáo, các bác công nhân viên. - Biết được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 42: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Như bạn tên gì? Bạn là bạn trai hay bạn gái?...
MT 43: Kể tên công việc công cụ sản phẩm, ích lợi...của một số nghề khi được hỏi trò, chuyện...	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 44: Kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội.	- Kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội. như 2/9 xóm em treo cờ...
MT 45: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	- Trò chuyện về cảnh đẹp quê hương Đắk Nông. - Xem video, hình ảnh trò chuyện về quê hương của bé (Phong cảnh, di tích lịch sử, nét văn hóa của địa phương...Thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ; tượng đài NơTrangLong, viện bảo tàng...) - Làm album sách tranh về quê hương của bé. - Hát, múa, nghe những bài hát, bản nhạc về quê hương.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT 46: Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp,ví dụ: “ Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ, gắn vào bông hoa màu vàng”	- Hiểu và làm được 2,3 yêu cầu của cô
MT 47: Hiểu nghĩa từ khái quát : Rau, quả, con vật, đồ gỗ ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm - Giải thích nghĩa các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng.... gần gũi, quen thuộc, trong các hoạt động giáo dục như làm quen với MTXQ, đọc thơ, đồng dao, ca dao, kể chuyện. - Chơi trò các trò chơi như nhìn hình đoán từ...
MT 48: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Trẻ biết lắng nghe hiểu được lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Bày tỏ cảm xúc, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT 49: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động,đặc điểm	- Trả lời đặt câu hỏi : “ Ai ?”; “Cái gì “? ”Như thế nào”? “ Ở đâu”? “ Khi nào”?...
MT 50: Sử dụng các loại câu đơn,câu ghép,câu khẳng định,câu phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở ghép, câu phủ định, câu khẳng định. - Luyện nói trọn câu đơn, câu ghép, câu phủ định, câu khẳng định.. trong các hoạt động giáo dục và trong giao tiếp.

	- Đặt câu hỏi cho trẻ trả lời: Ai? Làm gì? Đi đâu? Như thế nào?....
MT 51: Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc theo trình tự từ đầu đến hết sự việc .có mở đầu và kết thúc
MT 52: Đọc thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè...	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...(đọc diễn cảm, đọc thể hiện cử chỉ điệu bộ) - Hiểu nội dung và cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè... - Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...(đọc diễn cảm, đọc thể hiện cử chỉ điệu bộ) - Hiểu nội dung và cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè
MT 53: Kể chuyện có mở đầu kết thúc	- Kể lại chuyện đã được nghe - Kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Kể chuyện sáng tạo theo tranh ảnh - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết - Đóng kịch
MT 54: Sử dụng các từ như: “ Mời cô ”, “mời bạn”, “ Cảm ơn”, “Xin lỗi”..trong giao tiếp	- Sử dụng các từ như: “ Mời cô ”, “mời bạn”, “ Cảm ơn”, “Xin lỗi”..trong giao tiếp một cách phù hợp
MT 55 : Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện như giận dữ, vui, buồn, ngạc nhiên....
MT 56: Điều chỉnh giọng nói to nhỏ	- Nói to, nhỏ rõ ràng phù hợp với

phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	từng hoàn cảnh
MT 57: Chọn sách để xem Cầm sách đúng chiều và giở từng trang sách để xem tranh ảnh “Đọc ” sách theo tranh minh họa (Đọc vệt). Giữ gìn bảo vệ sách.	- Xem và nghe đọc các loại tranh khác nhau - Hướng dẫn đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách - Đọc truyện qua tranh vẽ - Giữ gìn bảo vệ sách
MT 58: Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh	-Mô tả được các hành động của các nhân vật trong tranh - Điều bộ, nét mặt giận dữ, vui, buồn, ngạc nhiên...
MT 59: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 60: Sử dụng kí hiệu để “viết” : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Sử dụng được các chữ cái, các nét chữ cái... để làm kí hiệu tên của mình, làm vé tàu, thiệp chúc mừng... Nhận dạng một số chữ cái. Tập tô, tập đồ các nét chữ. Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

MT 61: Nhận dạng được các chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng được các chữ cái tiếng việt. Viết thường hoặc viết hoa... phát âm đúng các âm của chữ cái.
MT 62: Tập tô, tập đồ các nét chữ cái	- Tập tô đồ các nét chữ - Hướng dẫn trẻ tô đồ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT 63: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	-Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.
MT 64: Nói được điều bé thích, không thích , những việc gì bé có thể làm được.	-Nói được điều bé thích, không thích , những việc gì bé có thể làm được.
MT 65: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	-Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
MT 66: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	-Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)
MT 67: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên)qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Nhận biết, một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ, hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói qua tranh, ảnh. - Thực hành cách biểu lộ trạng thái cảm xúc trên nét mặt, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.....
MT 68: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	-Nhận ra hình ảnh Bác Hồ kính yêu, lăng Bác Hồ.

MT 69 Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 70: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước như hồ gươm, đua thuyền, múa rồng, lễ hội đèn lồng, thả cầu....
MT 71: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường...)
MT 72: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép.	- Dạy trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp . - Nhận biết được hành vi đúng/ sai; Tốt/ xấu trong giao tiếp. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép.
MT 73: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Hướng dẫn trẻ chú ý nghe cô, bạn nói trong các hoạt động, không nói ngang, không nói leo. - Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe về kỹ năng giao tiếp.
MT 74: Biết chờ đợi đến lượt khi được nhắc nhở.	-Biết chờ đợi đến lượt khi được nhắc nhở.
MT 75: Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	-Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)
MT 76: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Lau lá, tưới cây, nhổ cỏ bắt sâu cho cây

	- Cho các con vật ăn, vuốt ve,... - Tranh xa các con vật hung dữ
MT 77: Bỏ rác đúng nơi quy định.	-Giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 78: Không bẻ cành, bứt hoa.	-Không bẻ cành, bứt hoa nơi
MT 79: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	-Biết Tiết kiệm điện, nước.
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
MT 80: Vui sướng, vỗ tay,làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT 81: Chú ý nghe, thích thú (hát,vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư)theo bài hát,bản nhạc;thích nghe,đọc thơ,đồng dao,ca dao,tục ngữ;thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe hát, nghe nhạc và thích thú với các bài hát, bản nhạc về chủ đề. - Nghe hát và nghe nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Dạy đọc thơ, ca dao, đồng dao về chủ đề. - Kể chuyện về chủ đề. - Cho trẻ nghe 1 số làn điệu dân ca, bài hát, chuyện, thơ.....
MT 82: Thích thú ngắm nhìn chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc,hình dáng ...)của các tác phẩm tạo hình	-Thích thú ngắm nhìn chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình
MT 83 : Hát đúng giai điệu, lời ca và sắc thái tình cảm của bài hát,qua giọng	-Hát đúng giai điệu, lời ca và sắc thái tình cảm của bài hát,qua giọng

hát,nét mặt, điệu bộ ..	hát,nét mặt, điệu bộ ..
MT 84: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát bản nhạc với hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	-Vận động nhịp nhàng theo giai điệu bài hát bản nhạc với các hình thức như: Vỗ tay theo nhịp, múa... - Tự lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát
MT 85: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	-Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm tạo hình
MT 86: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, con tròn tạo thành bức tranh có bố cục màu sắc	-Vẽ phối hợp các nét xiên, thẳng, cong.. để tạo thành sản phẩm.
MT 87: Xé cắt theo đường thẳng, đường cong ...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	-Sử dụng kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong ...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục tạo thành sản phẩm có màu sắc,kích thước,hình dáng/đường nét
MT 88 : Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	-Sử dụng các kỹ năng làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều các chi tiết khác nhau, và đẹp mắt.
MT 89: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	-Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu và phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm theo ý thích
MT 90: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Có những ý kiến riêng của bản thân về sản phẩm mình được quan sát - Nhận xét các sản phẩm đi sâu về màu sắc, đường nét, hình dáng, và cách bố cục bức tranh.

MT 91: Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát, giai điệu - Lựa chọn trang phục biểu diễn
MT 92 : Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát bản nhạc	- Lựa chọn hình thức vận động - Hát, vận động nhịp nhàng theo nhiều hình thức...
MT 93: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tự nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn. - Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn và của mình trong các hoạt động khác nhau...
MT 94 : Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tổ chức hoạt động tạo hình và cho trẻ tự đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.

**DỰ KIẾN MỤC TIÊU - NỘI DUNG GIÁO DỤC KHỐI LÁ
NĂM HỌC 2024-2025**

Mục tiêu	Nội dung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
MT 1: Thực hiện đúng thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước chân lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên + Co duỗi chân.

MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	Đi bằng mép ngoài bàn chân + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nôi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
MT 3: Kiểm soát được vận động	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100m -120m
MT 4: Phối hợp tay, mắt trong vận động	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bóng. - Ném xa bằng 1tay, 2 tay - Ném trúng đích bằng 1tay,2 tay - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân
MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bò bằng 2 bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm

	- Bật – nhảy từ trên cao xuống (40-45cm) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15-20cm - Nhảy lò cò 5m
MT 6: Thực hiện các vận động.	- Các loại cử động bàn tay , ngón tay và cổ tay .
MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động
MT 8: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm	- Nhận biết , phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT 9: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn đơn giản . - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, kho, rán, gạo nấu cơm nấu cháo...
MT 10: Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.
MT 11: Thực hiện được một số việc đơn giản.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

MT 12: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
MT 13: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ, rơi vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
MT 14: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh.	- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng thức dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt - Che miệng khi hắt hơi, ho. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.
MT 15: Biết bàn là bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.. là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc nhọn.	- Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 16: Biết những nơi như: ao, hồ, bể chứa nước , giếng, bụi rậm.. là nguy hiểm khi đến gần.	- Biết và phòng tránh những nơi không an toàn.
MT 17: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm trong ăn uống: cười trong khi ăn, uống hoặc

	khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc....
MT 18: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.
MT 19: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi, đi bộ trên vỉa hè, không leo trèo cây ban công.....
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
MT 20: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh.	- Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như: đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng, tại sao có mưa? - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Một vài đặc điểm tính chất của đất đá cát sỏi.
MT 21: Phối hợp các giác quan để xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng.	- Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
MT 22: Làm thử nghiệm và sử dụng 3 công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Làm thử nghiệm và sử dụng 3 công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. vd: thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây, được tưới nước và không tưới,

	theo dõi và so sánh sự phát triển.
MT 23: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách , tranh ảnh, băng hình, trò truyện và thảo luận...
MT 24: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng , đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng , đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông.
MT 25: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	- Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. vd: đồ dùng trong gia đình.
MT 26: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng.	- Quan sát , phán đoán, mối liên hệ đơn giản giữ con vật, cây cối với môi trường sống: vd: nắp cốc có những giọt nước do hơi nước nóng bốc hơi.
MT 27: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau . - Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự giống và khác nhau của các đối tượng được quan sát.
MT 28: Nhận xét và thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống

	nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
MT 29: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc , tạo hình	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT 30: Quan tâm đến các số như thích nói về số lượng và đếm.	- Quan tâm đến các số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi “ bao□nhiều” “ đây là mấy”
MT 31 : Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả : Bằng nhau,nhiều nhất ít hơn, ít nhất.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả : Bằng nhau,nhiều nhất ít hơn, ít nhất.
MT 32: Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (cs 97)	Nói được tên của một số nơi công cộng gần gũi mà trẻ tiếp xúc hàng ngày.(VD: Siêu thị , công viên, chợ, trung tâm thương mại, khu giải trí....

MT 33: Gộp /tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 34: Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
MT 35: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số xe....)
MT 36: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
MT 37: Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu và sao chép lại)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
MT 38: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp theo ý thích
MT 39: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong, so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật , so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 40: Gọi tên và chỉ ra các đặc điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới theo ý thích và theo

	yêu cầu, tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.
MT 41: Sử dụng lời nói, hành động để chỉ ra vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía trái, phía phải so với bản thân trẻ, so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 42: Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết thông qua hôm nay , ngày mai. Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.
MT 43: Nói ngày trên lịch và giờ chỉ trên đồng hồ.(cs 111)	- Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì? - Nói được ngày trên lịch (đọc ghép số). - Nói được giờ trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ, 3 giờ v.v...).
*Khám phá xã hội	
MT 44: Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 45: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình, nhu cầu gia đình...
MT 46: Nói địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố ,thôn xóm, số điện nếu có....) khi được hỏi trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình. Số điện thoại của bố, mẹ....
MT 47: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số	- Những đặc điểm nổi bật của lớp,

đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	trường mầm non.
MT 48: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường - Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
MT 49: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 50: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề .	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, truyền thống của địa phương.
MT 51: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật tên những dịp lễ hội.	- Lễ hội và các hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội .vd: 2/9 cả phố em treo cờ....
MT 52: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT 53: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
MT 54: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói.

MT 55: Hiểu các từ khái quát, trái nghĩa.	- Hiểu nghĩa từ khái quát, từ trái nghĩa: đồ dùng,..gia đình, học tập, phương tiện giao thông...
MT 56: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống trong giao tiếp. Vd: Ôi! Sao hôm nay bạn đẹp thế; thật tuyệt!, Đẹp quá trời ơi! "Trong những việc làm con thấy việc nào nặng, việc nào khó, việc nào dễ."
MT 57: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	- Bày tỏ tình cảm , nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các loại câu khác nhau: câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.
MT 58: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.
MT 59: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc theo trình tự lôgic nhất định về một sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Chú ý đến thái độ của người nghe để kể chậm lại hay giải thích lại lời kể của mình khi người khác nghe chưa rõ.
MT 60: Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng giao.

MT 61: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh được giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm; nói thân với bạn, bố mẹ... khi trong rạp hát, rạp xem phim công cộng, khi người khác đang làm việc; nói to hơn khi phát biểu ý kiến... nói nhanh hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vẻ chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt.
MT 62: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật....	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, nội dung theo kinh nghiệm của trẻ....
MT 63: Đóng vai của nhân vật trong truyện.	- Trẻ đóng kịch theo nội dung câu truyện.
MT 64: Sử dụng các từ “ Cảm ơn” “ xin lỗi”...phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng: “ Cảm ơn” “ xin lỗi”...phù hợp với tình huống.
MT 65: Chọn sách để “đọc” và xem.	- Biết chọn sách để “đọc” và xem theo ý thích phù hợp với chủ đề. Biết cách giở sách khi “đọc”.
MT 66: Biết cách “đọc sách”	- Hướng đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
MT 67: Giữ gìn bảo vệ sách.	- Biết giữ gìn và bảo vệ sách, biết lấy sách học và cất đúng nơi quy định.

MT 68: Nhận ra các kí hiệu thông thường.	- Nhận ra các kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....
MT 69: Kể truyện theo tranh và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể được truyện theo tranh và kinh nghiệm của trẻ: Kể rõ ràng, có trình tự sự việc, hiện tượng theo nội dung câu truyện hoặc theo kinh nghiệm của trẻ .
MT 70: Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng được các chữ cái in thường, viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm của chữ cái đã được học.
MT 71: Tô đồ, sao chép.	- Tô đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu chữ cái, tên của mình...
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI	
MT 72: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân - Nói được họ tên của bố mẹ, anh, chị, em, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
MT 73: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.
MT 74: Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau.	- Điểm giống và khác nhau của mình và người khác
MT 75: Biết mình là con /cháu/anh/chị em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.
MT 76: Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
MT 77 : Cố gắng hoàn thành công việc	- Chủ động và độc lập trọng một

được giao.	số hoạt động.
MT 78: Chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.	- Tự thực hiện các công việc: vệ sinh cá nhân, trực nhật....
MT 79: Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn (cs 45)	- Trẻ biết giúp đỡ người già, người lớn tuổi, người thân và bạn bè ...khi gặp khó khăn.
MT 80: Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến. (cs 34)	- Mạnh dạn xin phát biểu ý kiến. - Nói, hỏi hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách lưu loát, rõ ràng, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
MT 81 : Nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ của người khác.	- Nhận ra và nói được trạng thái, cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh.
MT 82: Biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Thể hiện những trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận phù hợp với tình huống qua lời nói/ cử chỉ/ nét mặt.
MT 83 : Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - Biết an ủi/ chia vui phù hợp với họ. - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ. - Chúc mừng, động viên, khen ngợi hoặc reo hò, cổ vũ bạn,

	người thân khi có niềm vui: ngày sinh nhật, có quần áo mới, chiến thắng trong một cuộc thi, hoàn thành một sản phẩm tạo hình...
MT 84: Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	- Quan tâm hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây, các con vật quen thuộc. - Thích được tham gia tưới cây, nhổ cỏ, lau lá cây; cho các con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm các con vật non...
MT 85: Biết chờ đến lượt.	- Có ý thức chờ đợi tuần tự trong khi tham gia các hoạt động: xếp hàng hoặc chờ tới lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác khi chơi ngoài sân, xếp hàng lần lượt lên ô tô khách, chờ đến lượt khi được chia quà, lấy đồ ăn...; chờ đến lượt khi trò chuyện mà không cắt ngang người khác để được nói. - Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt: nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị các bạn không được tranh lượt...
MT 86: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Trình bày ý kiến của mình với các bạn - Trao đổi thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung

	- Khi trao đổi thái độ bình tĩnh, tôn trọng lẫn nhau
MT 87: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Nhìn vào mắt người khác khi họ đang nói - Không cắt ngang lời người khác khi người khác đang trình bày
MT 88: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn.	- Biết nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn. - Biết dùng lời trình bày để người khác giúp đỡ.
MT 89: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không được nhắc nhở - Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà - Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
MT 90: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường.	- Biết nhắc nhở bạn, người khác không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...
MT 91: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một số nét văn hóa truyền thống của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.
MT 92: Nhận ra hình Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ.
MT 93: Thể hiện tình cảm với Bác qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với Bác qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

MT 94: Tiết kiệm điện, nước.	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng.
MT 95: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng.(để đồ dùng , đồ chơi đúng chỗ,...).
MT 96: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. không xả rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
MT 97: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước những âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm - Nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
MT 98: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể chuyện.	- Thể hiện nét mặt, động tác phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc thơ, đồng dao.
MT 99: Thích thú, ngắm nhìn, sử dụng, các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình.	- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc bằng các từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình trước cái đẹp.
MT 100: Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc	- Bày tỏ được suy nghĩ và thể hiện cảm xúc của mình trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật ví dụ như cười và

sống và tác phẩm nghệ thuật.	nói vườn hoa rất đẹp, Ôi bức tranh đẹp quá! , vỗ tay, vỗ tay, nhắm mắt...
MT 101: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	- Trẻ hát đúng lời, giai điệu của một số bài hát trong chủ đề. - Thể hiện được sắc thái tình cảm của bài hát.
MT 102: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái , nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu , múa.)	- Trẻ có một số kỹ năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát trong chủ đề. - Thể hiện, sáng tạo được các vận động như múa, vỗ tay theo các loại tiết tấu nhanh, chậm, phối hợp...phù hợp với nhịp điệu của từng bài hát.
MT 103: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (cs 101)	- Nghe bản nhạc, bài hát và nhận ra được bài hát, bản nhạc vui, buồn hay êm dịu, giai điệu vừa phải, nhanh, chậm...
MT 104: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích.	- Trẻ thể hiện được sự sáng tạo để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích.
MT 105: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Lựa chọn các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo tiết tấu tự chọn.
MT 106: Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn nguyên vật liệu phù hợp để làm sản phẩm - Lựa chọn và sử dụng một số (khoảng 2-3 loại)vật liệu để làm ra một sản phẩm - Biết đưa sản phẩm làm ra vào các hoạt động chơi.

MT 107: Dán các hình vào đúng vị trí không bị nhăn. (cs 8)	- Bôi hồ đều. - Các hình được dán đúng vào vị trí qui định của con vật, ngôi nhà, bông hoa.... - Sản phẩm không bị rách.
MT 108: Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh hài hòa, bố cục cân đối.
MT109: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (cs 7)	- Cắt rời được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.
MT 110: Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh hài hòa, bố cục cân đối.
MT 111: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm	- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối
MT 112: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Lựa chọn các hình phù hợp để xếp theo mẫu và xếp sáng tạo thành bức tranh - Xếp các chi tiết phụ.
MT 113: Nhận xét sản phẩm tạo hình về hình dáng, màu sắc , bố cục.	- Biết sử dụng lời nói để nhận xét sản phẩm của mình và của bạn - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong tác phẩm nghệ thuật
MT 114: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm ra sản phẩm, cách làm ra sản phẩm dựa trên ý tưởng của bản thân. .
MT 115: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình theo ý thích và khả năng.

V. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC:

Chương trình thiết kế từ 9 -10 chủ đề cho 35 tuần / khối. Mỗi tuần 5 ngày

áp dụng theo độ tuổi : Mầm, Chồi, Lá

+ Mầm, Chồi 9 chủ đề với 35 tuần

+ Khôi Lá: 10 chủ đề.

Dưới đây là dự kiến các chủ đề và phân phối thời gian cho từng chủ đề của từng khối lớp năm học 2024 - 2025 cho toàn trường. Trong quá trình thực hiện chủ đề các khối, lớp có thể điều chỉnh, bổ sung thêm chủ đề phát sinh trong tháng như: Ngày lễ, hội, các sự kiện...

Dựa vào kế hoạch này, giáo viên xây dựng kế hoạch năm, chủ đề, tuần cho lớp mình. Lựa chọn mục tiêu, xây dựng nội dung, các hoạt động, sắp xếp lịch tuần, chuẩn bị đồ dùng dạy học và tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục hàng ngày theo kế hoạch đã dự định.

CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP MẦM (Thực hiện 35 tuần)

STT	Tên chủ đề	Số tuần theo khung CT	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non Tuần 1: Ngày hội đến trường của bé Tuần 2 : Lớp học của bé Tuần 3 : Trường MN HPV bé yêu Tuần 4: Đồ dùng , đồ chơi của bé.	4 tuần	Từ 9/9 – 4/10/2024 (Tết trung thu).
2	Bản thân Tuần 5: Bé là ai? Tuần 6 : Cơ thể của bé. Tuần 7: Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh Tuần 8: Nhu cầu của bé	4 tuần	Từ 7/10 – 1/11/2024 (ngày PNVN)
3	Gia đình của bé Tuần 9: Người thân của bé Tuần 10: Ngôi nhà thân yêu Tuần 11: Nhu cầu gia đình	4 tuần	Từ 4/11 – 29/11/2024 (Ngày NGVN)

	Tuần 12: Đồ dùng trong gia đình.		
4	Nghề nghiệp Tuần 13: Một số nghề phổ biến Tuần 14: Nghề sản xuất Tuần 15: Nghề dịch vụ Tuần 16: Bé yêu chú bộ đội	4 tuần	Từ 2/12 – 27/12/2024 (Ngày TLQĐNDVN)
5	Động vật quanh bé Tuần 17: Một số vật nuôi trong gia đình Tuần 18: Động vật sống trong rừng Tuần 19: Động vật sống dưới nước. Tuần 20: Côn trùng - chim	4 tuần	Từ 30/12/2024 - 24/01/2025.
6	Thực vật quanh bé Tuần 21: Cây xanh. Tuần 22: Một số quả Tuần 23: Một số loại rau - củ Tuần 24: Một số loại hoa - tết và mùa xuân.	4 tuần	Từ 10/2 – 7/3/2025
7	Giao thông Tuần 25: Phương tiện giao thông đường bộ. Tuần 26: Phương tiện giao thông đường thủy. Tuần 27: Các phương tiện giao thông đường sắt, hàng không. Tuần 28: Luật lệ giao thông	4 tuần	Từ 10/3 – 4/4/2025

8	Nước và hiện tượng tự nhiên Tuần 29: Đất, cát, nước, sỏi đá... Tuần 30: Một số hiện tượng tự nhiên. Tuần 31: Các mùa trong năm	3 tuần	Từ 7/4 – 25/4/2025
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ Tuần 32: Đất nước Việt Nam diệu kỳ Tuần 33: Tây Nguyên của bé Tuần 34: Gia Nghĩa tươi đẹp Tuần 35: Bác Hồ kính yêu	4 tuần	Từ 28/4 – 23/5/2025

CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP CHỒI (Thực hiện 35 tuần)

STT	Tên chủ đề	Số tuần theo khung CT	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non Tuần 1: Ngày hội đến trường của bé Tuần 2 : Trường MN HPV bé yêu Tuần 3 : Lớp học của bé Tuần 4: Đồ dùng , đồ chơi của bé.	4 tuần	Từ 9/9 – 4/10/2024 (Tết trung thu).
2	Bản thân Tuần 5: Bé là ai? Tuần 6 : Cơ thể của bé. Tuần 7: Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh Tuần 8: Nhu cầu của bé	4 tuần	Từ 7/10 – 1/11/2024 (ngày PNVN)

3	Gia đình của bé Tuần 9: Người thân của bé Tuần 10: Ngôi nhà thân yêu Tuần 11: Nhu cầu gia đình Tuần 12: Đồ dùng trong gia đình.	4 tuần	Từ 4/11 – 29/11/2024 (Ngày NGVN)
4	Nghề nghiệp Tuần 13: Một số nghề phổ biến Tuần 14: Nghề sản xuất Tuần 15: Nghề dịch vụ Tuần 16: Bé yêu chú bộ đội	4 tuần	Từ 2/12 – 27/12/2024 (Ngày TLQĐNDVN)
5	Động vật quanh bé Tuần 17: Một số vật nuôi trong gia đình Tuần 18: Động vật sống trong rừng Tuần 19: Động vật sống dưới nước. Tuần 20: Côn trùng - chim	4 tuần	Từ 30/12/2024 - 24/01/2025.
6	Thực vật quanh bé Tuần 21: Cây xanh. Tuần 22: Một số quả Tuần 23: Một số loại rau - củ Tuần 24: Một số loại hoa - tết và mùa xuân.	4 tuần	Từ 10/2 – 7/3/2025
7	Giao thông Tuần 25: Phương tiện giao thông đường bộ. Tuần 26: Phương tiện giao thông đường thủy. Tuần 27: Các phương tiện giao thông đường sắt, hàng không. Tuần 28: Luật lệ giao thông.	4 tuần	Từ 10/3 – 4/4/2025

8	Nước và hiện tượng tự nhiên Tuần 29: Đất, cát, nước, sỏi đá... Tuần 30: Một số hiện tượng tự nhiên. Tuần 31: Các mùa trong năm	3 tuần	Từ 7/4 – 25/4/2025
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ Tuần 32: Đất nước Việt Nam diệu kỳ Tuần 33: Tây Nguyên của bé Tuần 34: Gia Nghĩa tươi đẹp Tuần 35: Bác Hồ kính yêu	4 tuần	Từ 28/4 – 23/5/2025

CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TRẺ LỚP LÁ (Thực hiện 35 tuần)

STT	Tên chủ đề	Số tuần theo khung CT	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non Tuần 1 : Trường MN HPV bé yêu Tuần 2 : Lớp học của bé Tuần 3: Đồ dùng , đồ chơi của bé.	3 tuần	Từ 9/9 – 27/9/2024 (Tết trung thu)
2	Bản thân Tuần 4: Bé là ai? Tuần 5 : Cơ thể của bé. Tuần 6: Nhu cầu của bé	3 tuần	Từ 30/9 – 18/10/2024 (Ngày PNVN)
3	Gia đình của bé Tuần 7: Người thân của bé Tuần 8: Ngôi nhà thân yêu Tuần 9: Nhu cầu gia đình Tuần 10: Đồ dùng trong gia đình.	4 tuần	Từ 21/10 – 15/11/2024
4	Nghề nghiệp Tuần 11: Một số nghề phổ biến Tuần 12: Nghề dịch vụ Tuần 13: Nghề sản xuất Tuần 14: Ước mơ của bé	4 tuần	Từ 18/11 - 13/12/2024. (Ngày TLQĐNDVN)

5	Động vật quanh bé Tuần 15: Một số vật nuôi trong gia đình Tuần 16: Động vật sống trong rừng Tuần 17: Động vật sống dưới nước. Tuần 18: Côn trùng – chim	4 tuần	Từ 16/12 – 10/1/2025
6	Thực vật quanh bé Tuần 19: Cây xanh. Tuần 20: Một số quả Tuần 21: Một số loại rau - củ Tuần 22: Một số loại hoa - tết và mùa xuân.	4 tuần	Từ 13/1 – 21/2/2025 (Tết và mùa xuân)
7	Giao thông Tuần 23: Phương tiện giao thông đường bộ. Tuần 24: Phương tiện giao thông đường thủy. Tuần 25: Các phương tiện giao thông đường sắt, hàng không. Tuần 26: Luật lệ giao thông	4 tuần	Từ 24/2 – 21/3/2025
8	Nước và hiện tượng tự nhiên Tuần 27: Đất, cát, nước, sỏi đá... Tuần 28: Một số hiện tượng tự nhiên. Tuần 29: Các mùa trong năm.	3 tuần	Từ 24/3 – 11/4/2025
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ Tuần 30: Đất nước Việt Nam diệu kỳ Tuần 31: Tây Nguyên của bé Tuần 32: Gia Nghĩa tươi đẹp Tuần 33: Bác Hồ kính yêu	4 tuần	Từ 14/4 – 9/5/2024

10	Trường tiểu học: Tuần 34: Bé chuẩn bị vào lớp 1 Tuần 35: Trường TH của bé	2 tuần	Từ 12/5 – 23/5/2025 (Sinh nhật Bác)
	Tổng		35 tuần

VI. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VÀ THỜI GIAN SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA TRẺ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

** Phân phối thời gian:*

Chương trình thực hiện được lồng ghép tích hợp theo chủ đề, lồng ghép tích hợp vào quá trình dạy học, được áp dụng trong toàn trường.

Thời gian thực hiện chủ đề chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng trẻ dài hay ngắn tùy thuộc vào kế hoạch của giáo viên và thực tế của khối, lớp. Trong mỗi chủ đề khi xây dựng phải đảm bảo mục tiêu giáo dục qua 5 mặt: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ.

Sau khi kết thúc chủ đề giáo viên phải đánh giá, nhận xét kết quả mong đợi của chủ đề đó bằng phiếu đánh giá, đồng thời có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho chủ đề tới phù hợp và đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng trẻ theo yêu cầu của chương trình, thực tế nhận thức của trẻ ở lớp đó.

** Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường.*

Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt gồm các hoạt động chính:

6h45 - 8h00	Đón trẻ; HĐ tự chọn; Trò chuyện;Điểm danh; Thể dục sáng
8h05 - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h50 - 9h30	Hoạt động học
9h35 - 10h25	Hoạt động chơi ở các góc
10h30 - 11h30	Vệ sinh, ăn trưa
11h40 - 14h00	Ngủ trưa
14h05 - 14h35	Vệ sinh, ăn xế
14h40 - 15h55	Chơi hoạt động theo ý thích.

	Nêu gương (chiều thứ 6)
16h00 - 17h00	Dọn dẹp đồ chơi, vệ sinh, trả trẻ

VII. DỰ KIẾN CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG:

Thời gian	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Người thực hiện
Tháng 8/2024	- Tham gia tập huấn bồi dưỡng chính trị và chuyên môn 2024 - Dọn vệ sinh trang trí trường lớp. - Định hướng cho giáo viên trang trí lớp, trường	- Toàn trường - Toàn trường - CM
Tháng 9/2024	- Tổ chức ngày hội đến trường của bé 5/9. - Học sinh tựu trường ngày 6/9/2024 - Xây dựng mục tiêu giáo dục - Ngày 09/9/2024 bắt đầu vào chương trình. - Kiểm tra giáo án và định hướng kinh nghiệm. - Xây dựng và duyệt các loại kế hoạch - Kiểm tra đột xuất các lớp.	- Toàn trường - Toàn trường - CM - TK - BGH - GV - CM - GV - BGH- GV - CM
Tháng 10/2024	- Kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn, giáo viên. - Nhập CSDL - Lên kế hoạch thao giảng đầu năm. - Tổ chức thao giảng đầu năm - Kiểm tra trang trí lớp đầu năm - Học sinh khối Lá tham gia Hội thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” cấp trường vào đầu tháng 10, tham gia Hội thi cấp thành phố, cấp tỉnh - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 11	- BKTNB - CM - Thư ký - CM - TK - CM - GV - TK - CM - GV - CM- GV - CM
Tháng 11/2024	- Tổ chức hội giảng; Hội thi cấp trường - Kiểm tra - dự giờ đột xuất giáo viên - Tham gia “Ngày hội thể thao của Bé”; “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường, cấp thành	- CM – GV - TK - CM - GV

	phổ - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 12	- Toàn trường - CM - GV
Tháng 12/2024	- Giám sát hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch, dự giờ giáo viên. - Kiểm tra hoạt động chuyên đề lồng ghép (02 gv) - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 1	- CM - GV - CM - CM – GV - CM – GV
Tháng 1/2025	- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm tết và mùa xuân. - Kiểm tra đột xuất giáo viên - Tổ chức hội thi " Giáo viên dạy giỏi" cấp trường. - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 2	- CM - CM - GV- TK - CM – GV - CM - CM - GV- TK
Tháng 2/2025	- Kiểm tra thực hiện quy chế chuyên môn sau tết - Kiểm tra HĐSP nhà giáo - Kiểm tra đột xuất giáo viên - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 3	- CM - GV - CM - GV - CM - GV - CM
Tháng 3/2025	- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên - Tổ chức làm đồ dùng tham gia Hội thi cấp thành phố. Dự giờ giáo viên - Kiểm tra đột xuất 1 số lớp - XD 2 hoạt động để SHCM - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 4	- CM – GV - TK - GV - CM – GV - CM – GV - TK - CM -GV
Tháng 4/2025	- Kiểm tra hoạt động tổ chuyên môn, giám sát hoạt động sư phạm của GV. - Kiểm tra - dự giờ đột xuất các lớp. - Kiểm tra HSSS - Họp và xét thi đua - triển khai kế hoạch tháng 5	- CM - CM - TK - CM- GV - CM- GV

Tháng 5/2025	- Kiểm tra đánh giá chất lượng trẻ cuối năm. - Cho trẻ 5 tuổi đi thăm quan trường TH - Kiểm tra đánh giá BDTX năm học. - XD 2 HĐ sinh hoạt CM - Báo cáo thống kê cuối năm về bộ phận chuyên môn MN phòng giáo dục - Phân giáo viên điều tra trẻ trong độ tuổi và nhóm trẻ gia đình	- CM - TK - BGH - GV - CM - CM- GV - CM - CM
-----------------------------------	---	---

Trên đây là kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học 2024 - 2025. Trong quá trình thực hiện tùy thuộc vào tình hình cụ thể, chuyên môn nhà trường sẽ bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp. Các khối lớp bám sát kế hoạch này để cụ thể hóa hoạt động cho khối, lớp mình./.

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

Người xây dựng kế hoạch
P. HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nguyên

Nguyễn Thị Kim Hồng

